

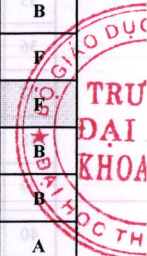
THÔNG BÁO

ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC KỲ VI GĐ 1 LỚP ĐẠI HỌC K1 NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI HẸ VỪA LÀM VỪA HỌC

Tại: Trường Đại học Khoa học

Khóa học: 2013 - 2018

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Giới và phát triển						Dự án CTXH và quản trị ngành						Bảo hiểm xã hội					
							TP	T	TB	QĐ	Đ		TP	T	TB	QĐ	Đ		TP	T	TB	QĐ	Đ
						2						4						2					
1	CTXHTN.03	Nguyễn Thị Ca	14.02.0987	Nữ	Thái Nguyên	2	7.5	7.0	7.2	3	B	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	8.5	6.5	7.1	3	B
2	CTXHTN.05	Lệnh Thị Thanh Cúc	17.12.1980	Nữ	Thái Nguyên	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F
3	CTXHTN.06	Trần Thị Phương Châm	09.02.1991	Nữ	Thái Nguyên	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F
4	CTXHTN.07	Nông Quốc Chính	28.07.1987	Nam	Thái Nguyên	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F
5	CTXHTN.08	Đỗ Tiến Doanh	09.05.1984	Nam	Thái Nguyên	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B
6	CTXHTN.09	Nguyễn Văn Dung	29.06.1981	Nam	Thái Nguyên	2	7.0	5.5	6.0	2	C	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	6.5	7.3	3	B
7	CTXHTN.10	Luân Quốc Đại	05.12.1985	Nam	Thái Nguyên	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.5	8.4	3	B
8	CTXHTN.11	Bế Thị Điệp	29.09.1983	Nữ	Thái Nguyên	2	8.0	7.0	7.3	3	B	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	8.5	8.0	8.2	3	B
9	CTXHTN.12	Dương Kiên Giang	31.08.1978	Nam	Thái Nguyên	0	8.0	0.0	2.4	0	F	0	9.0	0.0	2.7	0	F	0	9.0	0.0	2.7	0	F
10	CTXHTN.13	Trần Thị Thu Hằng	31.03.1991	Nữ	Thái Nguyên	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F
11	CTXHTN.14	Trần Thị Hằng	07.06.1986	Nữ	Thái Nguyên	2	7.0	8.5	8.1	3	B	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	7.5	7.0	7.2	3	B
12	CTXHTN.15	Hoàng Quang Huy	01.08.1986	Nam	Thái Nguyên	2	7.5	8.5	8.2	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	8.0	8.3	3	B
13	CTXHTN.18	Phạm Thị Yến Hương	06.09.1988	Nữ	Thái Nguyên	2	7.0	6.5	6.7	2	C	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	10.0	9.7	4	A
14	CTXHTN.19	Đặng Thu Hương	15.07.1988	Nữ	Thái Nguyên	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	8.0	9.0	8.7	4	A
15	CTXHTN.20	Trần Văn Kết	08.07.1984	Nam	Thái Nguyên	2	8.0	6.5	7.0	3	B	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
16	CTXHTN.21	Vũ Văn Khiêm	21.10.1979	Nam	Thái Nguyên	2	8.0	8.5	8.4	3	B	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.5	9.0	9.2	4	A
17	CTXHTN.22	Dương Văn Lập	03.08.1988	Nam	Thái Nguyên	2	8.0	7.5	7.7	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
18	CTXHTN.23	Vũ Khắc Linh	15.05.1982	Nam	Thái Nguyên	2	7.5	7.0	7.2	3	B	4	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
19	CTXHTN.24	Đào Ngọc Luân	26.11.1990	Nam	Thái Nguyên	2	7.5	8.0	7.9	3	B	4	8.0	7.5	7.7	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
20	CTXHTN.25	Hoàng Hồng Luyến	08.10.1984	Nữ	Thái Nguyên	2	7.0	6.0	6.3	2	C	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	6.0	8.5	7.8	3	B
21	CTXHTN.27	Lưu Thị Lương	20.03.1983	Nữ	Thái Nguyên	2	7.5	8.0	7.9	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B
22	CTXHTN.29	Đặng Thị Mận	29.09.1972	Nữ	Thái Nguyên	2	8.0	5.0	5.9	2	C	4	9.0	9.0	9.0	4	A	2	9.0	8.5	8.7	4	A



STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Giới và phát triển						Dự án CTXH và quản trị ngành						Bảo hiểm xã hội					
								TP	T	TB	QĐ	Đ		TP	T	TB	QĐ	Đ		TP	T	TB	QĐ	Đ
							2						4						2					
23	CTXHTN.30	Nguyễn Thái	Nam	05.08.1980	Nam	Thái Nguyên	2	8.5	6.5	7.1	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
24	CTXHTN.31	Nguyễn Thị	Nga	08.07.1991	Nữ	Thái Nguyên	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F
25	CTXHTN.32	Nguyễn Thị	Ngân	02.04.1979	Nữ	Thái Nguyên	2	6.0	7.0	6.7	2	C	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	7.5	7.5	7.5	3	B
26	CTXHTN.33	Ngô Thị Thanh	Nhã	02.02.1985	Nữ	Thái Nguyên	2	8.0	7.5	7.7	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	8.0	8.2	3	B
27	CTXHTN.34	Trần Thị Kim	Oanh	25.10.1983	Nữ	Thái Nguyên	2	8.0	8.0	8.0	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
28	CTXHTN.36	Nguyễn Xuân	Phượng	30.01.1988	Nam	Thái Nguyên	2	7.5	7.0	7.2	3	B	4	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.5	8.5	8.5	4	A
29	CTXHTN.37	Nguyễn Thị	Phượng	23.02.1990	Nữ	Thái Nguyên	2	7.5	7.5	7.5	3	B	4	9.0	9.5	9.4	4	A	2	9.0	8.5	8.7	4	A
30	CTXHTN.38	Lương Văn	Quang	08.12.1990	Nam	Thái Nguyên	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	7.0	7.3	3	B
31	CTXHTN.39	Phạm Văn	Quý	10.04.1985	Nam	Thái Nguyên	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	9.0	7.5	8.0	3	B	2	8.5	8.5	8.5	4	A
32	CTXHTN.40	Vương Thị	Quyên	27.07.1985	Nữ	Thái Nguyên	2	7.5	8.5	8.2	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	9.5	9.4	4	A
33	CTXHTN.41	Đỗ Ngọc	Quyên	12.10.1990	Nữ	Thái Nguyên	2	7.0	7.5	7.4	3	B	4	9.0	7.5	8.0	3	B	2	6.5	8.0	7.6	3	B
34	CTXHTN.43	Lại Xuân	Sinh	05.09.1984	Nam	Thái Nguyên	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	9.0	7.5	8.0	3	B	2	7.5	9.0	8.6	4	A
35	CTXHTN.44	Phạm Thị	Tâm	25.04.1976	Nữ	Thái Nguyên	2	7.0	6.5	6.7	2	C	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	8.5	9.0	8.9	4	A
36	CTXHTN.45	Đặng Thị	Tâm	18.09.1988	Nữ	Thái Nguyên	2	8.0	8.0	8.0	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	7.5	8.0	7.9	3	B
37	CTXHTN.46	Dương Nhật	Tiến	11.03.1996	Nam	Thái Nguyên	2	7.0	6.5	6.7	2	C	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	8.5	8.7	4	A
38	CTXHTN.47	Dương Thị	Tịnh	20.10.1976	Nữ	Thái Nguyên	2	8.0	8.5	8.4	3	B	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	9.0	9.0	4	A
39	CTXHTN.50	Nguyễn Anh	Tùng	14.08.1988	Nam	Thái Nguyên	2	6.0	8.5	7.8	3	B	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	7.0	8.5	8.1	3	B
40	CTXHTN.51	Hà Thị	Tuyết	06.11.1986	Nữ	Thái Nguyên	2	7.5	7.5	7.5	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A
41	CTXHTN.52	Đào Văn	Thái	25.09.1989	Nam	Thái Nguyên	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F
42	CTXHTN.53	Đào Thị Phương	Thanh	03.04.1984	Nữ	Thái Nguyên	2	8.0	7.0	7.3	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	9.0	8.7	4	A
43	CTXHTN.54	Nguyễn Hữu	Thanh	18.10.1985	Nam	Thái Nguyên	2	8.0	7.5	7.7	3	B	4	9.0	9.5	9.4	4	A	2	9.0	8.0	8.3	3	B
44	CTXHTN.55	Dương Thị	Thảo	22.07.1989	Nữ	Thái Nguyên	2	9.0	8.5	8.7	4	A	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	9.5	9.4	4	A
45	CTXHTN.56	Nguyễn Văn	Thắng	02.01.1993	Nam	Thái Nguyên	2	8.0	8.5	8.4	3	B	4	8.0	8.0	8.0	3	B	2	9.0	9.0	9.0	4	A
46	CTXHTN.57	Nông Hữu	Thắng	25.01.1987	Nam	Thái Nguyên	2	7.0	8.0	7.7	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.0	8.0	8.0	3	B
47	CTXHTN.58	Phạm Văn	Thắng	25.01.1980	Nam	Thái Nguyên	2	7.5	7.5	7.5	3	B	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.5	9.5	9.5	4	A
48	CTXHTN.60	Lê Thị	Thủy	09.01.1983	Nữ	Thái Nguyên	2	7.0	7.0	7.0	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	8.5	8.5	4	A
49	CTXHTN.61	Đào Văn	Thuyền	17.06.1970	Nam	Thái Nguyên	2	8.5	6.0	6.8	2	C	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	8.5	8.7	4	A

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	Giới và phát triển						Dự án CTXH và quản trị ngành						Bảo hiểm xã hội					
								TP	T	TB	QĐ	Đ		TP	T	TB	QĐ	Đ		TP	T	TB	QĐ	Đ
							2						4						2					
50	CTXHTN.62	Lê Thị Hải	Thương	21.01.1988	Nữ	Thái Nguyên	2	7.5	8.5	8.2	3	B	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	9.5	9.4	4	A
51	CTXHTN.63	Hứa Thị	Thương	04.09.1987	Nữ	Thái Nguyên	2	8.0	6.0	6.6	2	C	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	8.5	10.0	9.6	4	A
52	CTXHTN.64	Đặng Nguyễn Thủy	Trang	27.01.1995	Nữ	Thái Nguyên	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F	0	0.0	0.0	0.0	0	F
53	CTXHTN.65	Phạm Lê	Trưởng	17.09.1992	Nam	Thái Nguyên	2	8.0	7.0	7.3	3	B	4	9.0	7.5	8.0	3	B	2	6.0	7.5	7.1	3	B
54	CTXHTN.66	Vũ Văn	Trưởng	10.02.1983	Nam	Thái Nguyên	2	7.0	7.5	7.4	3	B	4	9.0	6.5	7.3	3	B	2	7.5	8.5	8.2	3	B
55	CTXHTN.67	Lê Đức	Việt	06.02.1985	Nam	Thái Nguyên	2	7.0	5.5	6.0	2	C	4	8.0	7.0	7.3	3	B	2	6.5	7.0	6.9	2	C
56	CTXHTN.68	Trịnh Thị	Xuân	17.02.1988	Nữ	Thái Nguyên	2	8.0	8.5	8.4	3	B	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	8.0	8.3	3	B
57	CTXHTN.69	Tổng Thị Hải	Yến	01.01.1989	Nữ	Thái Nguyên	2	8.0	8.0	8.0	3	B	4	9.0	8.5	8.7	4	A	2	9.0	8.0	8.3	3	B
58	CTXHTN.70	Phan Thị Ngọc	Anh	15.06.1990	Nữ	Thái Nguyên	2	8.5	7.0	7.5	3	B	4	9.0	8.0	8.3	3	B	2	9.0	8.5	8.7	4	A

Bảng quy đổi điểm

Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Ghi chú
8.5 đến 10	A	4	Những sinh viên có điểm học phần đạt điểm F là những sinh viên chưa qua học phần đó và phải học lại
7.0 đến 8.4	B	3	
5.5 đến 6.9	C	2	
4.0 đến 5.4	D	1	
0.0 đến 3.9	F	0	

Nơi nhận:

- Các Phòng: CT-HSSV, KH-TC;
- Khoa Luật & QLXH;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.

